TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự D - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2023/HSST
Ngày: 28/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đầu Khắc Dinh

Ông Lê Như Hạnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Hằng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 35/2023/TLST-HS, ngày 21 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐXXST–HS ngày 16/3/2023 đối với các bị cáo:

1. Hà Phúc D; Giới tính: Nam; Sinh năm 1968, tại Thanh Hóa, Nơi ĐKTT: Thôn V, xã Q, huyện T, Thanh Hóa; Quốc tịch:Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp khi phạm tội: Cán bộ tư pháp, hộ tịch xã Q, huyện T; Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị khai trừ đảng theo Quyết định số 44-QĐ/UBKTHU ngày 20/12/2022 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy T; Con ông: Hà Phụng Dực (đã chết); Con bà: Hà Thị Chính (đã chết); Có vợ: Phạm Thị Thanh và có 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Lê Thị H; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1980, tại Thanh Hóa; Nơi ĐKTT: số A, đường D, phường B, TP Thanh Hóa; Quốc tịch:Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp khi phạm tội: Giáo viên trung tâm tiếng Hàn Hiền - H; Con ông: Lê Sỹ Hùng; Con bà: Lê Thị Chung; Có chồng: Nguyễn Quang Dũng và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Nguyễn Công T; Giới tính: Nam; Sinh năm 1982, tại Bắc Ninh; Nơi ĐKTT: thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự D; Con ông:

Nguyễn Công Láp; Con bà: Vũ Thị Ba (đã chết); Có vợ: Nguyễn Thị Hảo và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo quy định của chương trình hợp tác giữa Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội với Bộ việc làm Hàn Quốc về việc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại Hàn Quốc ngành Nông nghiệp (gọi tắt là chương trình EPS) thì công dân phải có hộ khẩu thường trú tại huyện nghèo, miền núi từ một năm trở lên, trong đó có huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Đầu năm 2018, Lê Thị H là giáo viên tại Trung tâm tiếng Hàn Hiền - H được 02 học viên của Trung tâm là Nguyễn Thế T và Trương Thị Th nhờ tư vấn làm hồ sơ đi xuất khẩu lao động theo diện EPS tại Hàn Quốc. D họ không đáp ứng được điều kiện về hộ khẩu thường trú nên khoảng tháng 8/2018, Lê Thị H thông qua mối quan hệ quen biết đã nhờ Hà Phúc D, tại thời điểm đó là Trưởng công an xã Q, huyện T xác nhận cho anh T, chị T có sổ hộ khẩu thường trú tại xã Q với mục đích đủ điều kiện đi xuất khẩu lao động, Hà Phúc D đồng ý làm thủ tục nhập khẩu theo đúng yêu cầu của H và được H cám ơn số tiền 3.000.000đ. Tuy nhiên, D không có nhu cầu nên hai trường hợp này không đi xuất khẩu lao động, Lê Thị H đã tiêu hủy các tài liệu liên quan.

Cuối năm 2019, Lê Thị H tiếp tục đặt vấn đề với Hà Phúc D về việc cần xác nhận khống cho khoảng 30 trường hợp được nhập khẩu vào các hộ có sổ hộ khẩu tại xã Q để khi nào có nhu cầu thì H sẽ ghi khống thông tin vào sau. Hà Phúc D đã mua 30 cuốn sổ hộ khẩu trắng và nhờ người ghi lại thông tin của một số hộ dân trên địa bàn xã Q sau đó D ký tên, đóng dấu công an xã Q vào trang sau liền kề của sổ, pho to lại và gửi bản pho to cho Lê Thị H, còn sổ hộ khẩu có chữ ký và có đóng dấu đỏ thì D tiêu hủy vì sợ bị phát hiện. D dịch co vit 19 nên các chương trình xuất khẩu lao động tạm dừng, vì vậy Lê Thị H chưa dùng đến các sổ hộ khẩu này.

Đến đầu tháng 9/2022, Lê Thị H được Nguyễn Công T cũng là giáo viên dạy tiếng Hàn trao đổi nội dung T có 30 học sinh học online tiếng Hàn và có nhu cầu đi xuất khẩu lao động Hàn Quốc theo diện EPS nhờ H quan hệ để xác nhận hồ sơ cho họ có đủ điều kiện đi vào tháng 10/2022, đồng thời thỏa thuận sẽ chi cho Lê Thị H số tiền từ 02 triệu đồng đến 03 triệu đồng/01 trường hợp (tức từ 60 đến 90 triệu đồng cho 30 trường hợp) để H xin xác nhận hồ sơ. Nguyễn Công T đã hướng dẫn các trường hợp này tự tìm mẫu và viết thông tin vào sơ yếu lý lịch nhưng để trống phần đăng ký hộ khẩu thường trú, pho to CCCD (CMND) gửi cho T và chuẩn bị kinh phí để làm thủ tục nhưng không nói cụ thể bao nhiêu, T cũng chưa thu tiền của họ, sau

đó T giao toàn bộ sơ yếu lý lịch và bản pho to CCCD (CMND) cho Lê Thị H. Vì chưa thu tiền của các trường hợp trên nên T chưa đưa tiền cho H. Lê Thị H đã lấy thông tin của 30 trường hợp và nhờ người ghi vào trang cuối của 30 bản pho to sổ hộ khẩu đã nhận của Hà Phúc D từ năm 2019 rồi đem pho to lại. Tại thời điểm này Lê Thị H biết Hà Phúc D đã chuyển công tác và đang là công chức tư pháp, hộ tịch xã Q, có thẩm quyền trình ký xác nhận sơ yếu lý lịch, công chứng bản pho to sổ hộ khẩu nên H đã đặt vấn đề nhờ D xin xác nhận của UBND xã Q vào các sơ yếu lý lịch và công chứng sổ hộ khẩu, nếu xác nhận và công chứng được thì H sẽ bồi dưỡng cho D số tiền 1,5 triệu đồng/01 trường hợp (tức 45 triệu đồng/30 trường hợp), vì chưa nhận tiền từ T nên H thỏa thuận với D khi hồ sơ làm xong mới đưa tiền.

Khi nhận hồ sơ là sơ yếu lý lịch, bản pho to sổ hộ khẩu từ Lê Thị H, vì thấy có một số bản pho to sổ hộ khẩu thiếu dấu của công an xã nên Hà Phúc D nhắn tin điện thoại đặt vấn đề với anh Lê Khánh An - Phó Trưởng công an xã Q để mượn dấu công an xã (với mục đích đóng vào các sổ hộ khẩu còn thiếu dấu rồi pho to lại) và hứa hẹn gửi bồi dưỡng số tiền 10 triệu đồng nhưng anh An không đồng ý cho mượn dấu và không trả lời. Đến ngày 13/9/2022, Hà Phúc D đem các sơ yếu lý lịch (chưa điền ngày tháng, chưa ghi thông tin phần đăng ký hộ khẩu thường trú) của các trường hợp trên đến xin chữ ký xác nhận của ông Cao Xuân Chiều – Phó chủ tịch UBND xã Q. Hà Phúc D báo cáo đây là hồ sơ của các lao động trên địa bàn xã đã làm từ năm 2019 nhưng D dịch bệnh nên đang tạm dừng, nay xin lại để làm thủ tục xuất khẩu lao động. D tin tưởng Hà Phúc D nên ông Cao Xuân Chiều không kiểm tra lại thông tin và đã ký xác nhận vào 32 sơ yếu lý lịch (có 02 trường hợp là Nguyễn Văn Vinh, Phạm Xuân Nam viết 02 sơ yếu lý lịch). Đến chiều ngày 14/9/2022 Hà Phúc D liên hệ với chị Hà Thị Bích là cán bộ văn thư của UBND xã Q để mượn dấu với mục đích tự đóng vào các bản sơ yếu lý lịch đã có chữ ký của ông Chiều nhưng chị Bích không cho mượn và yêu cầu phải có ý kiến của lãnh đạo xã nên D không đóng dấu được. Đến chiều ngày 15/9/2022 Hà Phúc D đến bộ phận một cửa của UBND xã để đóng dấu vào các sơ yếu lý lịch và đặt vấn đề đưa số tiền 02 triệu đồng cho chị Bích để cảm ơn công đóng dấu nhưng chị Bích không nhận tiền và nghi ngờ nên đã kiểm tra các sơ yếu lý lịch thì thấy các trường hợp có tên không phải người địa phương, lý lịch không ghi đầy đủ thông tin nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, chị đã báo cáo anh Hà Văn Bình là tổ trưởng, sau đó anh Bình báo cáo vụ việc với lãnh đạo UBND xã.

Quá trình điều tra không thu giữ được 02 hồ sơ xuất khẩu lao động của Nguyễn Thế T, Trương Thị Thùy nên không đủ căn cứ xử lý đối tượng liên quan.

Kết quả xác minh tại UBND xã Q, tại thời điểm tháng 9/2022 Hà Phúc D là cán bộ tư pháp hộ tịch, có chức năng nhiệm vụ kiểm tra, thẩm định, tham mưu cho

lãnh đạo UBND xã ký xác nhận sơ yếu lý lịch, công chứng hồ sơ, tài liệu. Ông Cao Xuân Chiều là Phó chủ tịch UBND xã phụ trách lĩnh vực văn hóa xã hội, có thẩm quyền ký chứng thực bản sao tài liệu, xác nhận sơ yếu lý lịch….

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, lấy lời khai 30 trường hợp có tên trong sơ yếu lý lịch và các hộ dân có sổ hộ khẩu điền thông tin các trường hợp này ở trang cuối sổ, kết quả từ trước đến nay, tất cả các trường hợp này đều không đăng ký hộ khẩu thường trú, không làm thủ tục chuyển khẩu, nhập khẩu đến xã Q, không được các hộ dân có hộ khẩu trên địa bàn xã đồng ý cho nhập khẩu vào sổ hộ khẩu gia đình.

- Về hành vi ký xác nhận vào sơ yếu lý lịch của ông Cao Xuân Chiều: Trong quá trình ký xác nhận vào sơ yếu lý lịch, ông Cao Xuân Chiều đã không thực hiện đầy đủ chức trách nhiệm vụ được giao, ký vào tài liệu chưa điền đầy đủ thông tin theo quy định, không có ngày tháng năm xác nhận, tuy nhiên hành vi này chưa gây hậu quả vì các trường hợp này không được làm thủ tục đi xuất khẩu lao động, Cơ quan điều tra đã ban hành văn bản số 102/ANĐT ngày 02/02/2023 gửi UBND huyện Bá Thước đề nghị xử lý cán bộ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung xác nhận khống hộ khẩu cho 02 trường hợp năm 2018 có dấu hiệu vi phạm nhưng không thu được tài liệu, hồ sơ giả mạo, 02 trường hợp này không đi xuất khẩu lao động nên không đủ căn cứ xử lý.

- Về hành vi Hà Phúc D đưa tiền cho chị Hà Thị Bích, hứa hẹn đưa tiền cho anh Lê Khánh An, có dấu hiệu hành vi đưa hối lộ, tuy nhiên chị Bích và anh An không đồng ý, không thực hiện theo yêu cầu của Hà Phúc D, không nhận tiền nên không đủ căn cứ xử lý.

- Đối với 30 trường hợp có hành vi nhờ Nguyễn Công T làm hồ sơ đi xuất khẩu lao động nhưng không biết việc thoả thuận đưa tiền hối lộ giữa Nguyễn Công T, Lê Thị H với Hà Phúc D, không biết T làm thủ tục bằng cách nào, chưa có thỏa thuận cụ thể gì về việc đưa tiền và họ cũng chưa xuất cảnh, D đó không có căn cứ xử lý.

- Đối với hành vi ký, đóng dấu khống 30 sổ hộ khẩu của Hà Phúc D để gửi cho Lê Thị H ghi thông tin, quá trình điều tra không thu giữ được bản gốc có chữ ký, đóng dấu, chỉ thu được các bản pho to, D đó không đủ căn cứ xử lý về hành vi Giả mạo trong công tác.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKS-P3, ngày 20/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá truy tố bị cáo Hà Phúc D về tội "Nhận hối lộ" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Lê Thị H, Nguyễn Công T về tội "Đưa hối lộ" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 364 Bộ luật hình sự.

** Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa*: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo.

- *Về trách nhiệm hình sự:*

+ Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 354; Điểm s, v Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 BLHS. Đề nghị tuyên bị cáo Hà Phúc D từ 18 tháng đến 22 tháng tù. Cấm đảm nhiệm chức vụ oliên quan sau khi chấp hành xong hình phạt.

+ Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 364; Điểm s, i Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36; BLHS. Đề nghị tuyên bị cáo Lê Thị H từ 09 tháng 12 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 364; Điểm s, i Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36; BLHS. Đề nghị tuyên bị cáo Nguyễn Công T từ 06 tháng 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập của H và T trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- *Về án phí:* Áp dụng điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Cơ quan CSĐT, điều tra viên Công an tỉnh Thanh Hóa, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên VKSND tỉnh Thanh Hóa trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. D đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện là hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và lời khai tại phiên tòa của bị cáo xác định:

D muốn hợp thức hóa hồ sơ cho 30 học sinh để đủ điều kiện đi xuất khẩu lao động Hàn Quốc theo diện EPS nên Nguyễn Công T đã trao đổi, thỏa thuận với Lê Thị H để H liên hệ với Hà Phúc D là cán bộ tư pháp, hộ tịch xã Q, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa nhờ xin xác nhận vào 30 sơ yếu lý lịch, công chứng bản pho to 30 sổ hộ khẩu không đúng quy định của pháp luật và thỏa thuận sẽ đưa cho Hà Phúc D số tiền 45.000.000 đồng bồi dưỡng sau khi hoàn T công việc. Ngày 13/9/2022, Hà Phúc D đã trình các sơ yếu lý lịch và được ông Cao Xuân Chiều là Phó chủ tịch UBND xã Q ký xác nhận.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng, người liên quan, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án. HĐXX đủ cơ sở kết luận bị cáo Hà Phúc D phạm tội "Nhận hối lộ" theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Lê Thị H, Nguyễn Công T phạm tội "Đưa hối lộ" theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 364 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất vụ án:

Tính chất của vụ án là nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì hám lợi và xem thường pháp luật Hà Phúc D đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao làm trái công vụ, vi phạm pháp luật, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước. Lê Thị H, Nguyễn Công T vì muốn đạt mục đích làm được các hồ sơ, tài liệu không đúng pháp luật để thu lợi bất chính và tăng uy tín của bản thân nên đã thỏa thuận, hứa hẹn sẽ đưa tiền cho người có chức vụ, quyền hạn thực hiện theo yêu cầu của mình. Vì vậy, cần phải được xử lý nghiêm minh.

[4] Xét vai trò, nhân thân và trách nhiệm hình sự của các bị cáo

Tội "Đưa hối lộ" Lê Thị H là người đã chuẩn bị các bản pho to sổ hộ khẩu, trực tiếp thỏa thuận với Hà Phúc D nên có vai trò cao hơn T xếp mức án cao hơn Nguyễn Công T là phù hợp. Tội "Nhận hối lộ" Hà Phúc D không có đồng phạm nên phải chịu trách nhiệm độc lập về hành vi phạm tội của mình.

Trong vụ án này, bị cáo Hà Phúc D phạm tội nghiêm trọng, với đường lối xử lý nghiêm của pháp luật đối với các tội phạm về chức vụ nên phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: đầu thú, T khẩn khai báo, ăn năn hối cải, Hà Phúc D có nhiều T tích trong công tác, được tặng Kỷ niệm chương bảo vệ ANTQ năm 2020, bị cáo và vợ sức khỏe yếu, gia đình có công với cách mạng, là người dân tộc thiểu số, đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên cần áp dụng Điều 54 BLHS để giảm nhẹ hình phạt và quyết định cho bị cáo Hà Phúc D hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo sớm trở về hòa nhập với gia đình và cộng đồng xã hội.

Đối với Lê Thị H, Nguyễn Công T bên cạnh những tình tiết giảm nhẹ như: đầu thú, T khẩn khai báo, ăn năn hối cải thì các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra, Lê Thị H gia đình có công với cách mạng, bố đẻ bị cáo và *mẹ chồng* bị cáo có nhiều T tích trong kháng chiến và làm nhiệm vụ quốc tế được tặng thưởng nhiều huân chương, bản thân bị cáo sức khỏe không được

tốt, thường xuyên đau ốm, đây là những tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo H và T theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. D các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên căn cứ điều 36 Bộ luật hình sự không cần thiết phải cách ly xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của Chính quyền cũng đủ điều kiện cải tạo T công dân tốt.

Xét hai bị cáo H và T điều kiện, hoàn cảnh gia đình khó khăn, công việc và thu nhập không ổn định (Có xác nhận của chính quyền địa phương và đơn vị công tác), nên miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho các bị cáo là phù hợp.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 và có quyền kháng cáo trong thời hạn D luật định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm a Khoản 1 Điều 354; Điểm s, v Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 BLHS (Đối với Hà Phúc D); Điểm a Khoản 1 Điều 364; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 36 BLHS (Đối với H và T); Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Hà Phúc D phạm tội: "Nhận hối lộ"; Lê Thị H, Nguyễn Công T phạm tội "Đưa hối lộ".

Xử phạt:

1. Hà Phúc D 18 (Mười tám) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày đi thi hành án.

Cấm đảm nhiệm chức vụ liên quan trong thời hạn 02 năm sau khi chấp hành xong hình phạt.

2. Lê Thị H 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ kể từ ngày UBND phường B, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án

3. Nguyễn Công T 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ kể từ ngày UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Ninh nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Thị H cho UBND phường B, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Giao bị cáo Nguyễn Công T cho UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo H và T trong thêi gian cải tạo không giam giữ

* **Về án phí:** Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao Hà nội
- VKSND Cấp cao Hà nội
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P2)
- Công an tỉnh Thanh Hóa
- Cục Thi hành án DS tỉnh Thanh Hóa
- Huyện ủy T
- UBND xã Q, huyện T
- Bị cáo
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VP Toà Hình sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Lê Thị Hung

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự D - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 22 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hung.

Thẩm phán: Bà Lê Thị Hiệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương

Ông Hà Minh Thắng

Ông Nguyễn Trọng Thúy

Tiến hành nghị án đối với vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 152/HSST ngày 03 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2022/QĐXXST – HS ngày 07/11/2022 đối với bị cáo:

Lê Thị Lợi; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1981, tại Thanh Hóa; Nơi ĐKTT: 22/6 Dương Đình Nghệ, phường Tân Sơn, TP Thanh Hóa;

Bị VKSND tỉnh Thanh Hóa truy tố về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo Điểm a Khoản 4 Điều 174 BLHS.

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1.*Về tội danh*: Bị cáo Lê Thị Lợi phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 5/5.

2-*Về điều luật áp dụng*: Điểm a Khoản 4 Điều 174; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 48 BLHS 2015; Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 5/5.

3-*Về mức hình phạt*: Bị cáo Lê Thị Lợi 16 (Mười sáu) năm tù, thời hạn chấp hành tính từ ngày 17/03/2022.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 5/5.

4- ***Về TNDS, án phí và các vấn đề khác***:

Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Án phí dân sự bị cáo phải chịu 115.100.000đ.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự tự nguyện của đại diện hợp pháp bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy số vật chứng thu giữ của vụ án gồm: 01 hộp giấy niêm phong có các hình dấu của phòng kỹ thuật Công an tỉnh Thanh hóa; 02 gậy luồng đã được niêm phong; 01 con dao (Dạng dao năm) đã được niêm phong theo quy định. Các vật chứng đang tạm giữ tại Cục THADS tỉnh Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng số 131 ngày 05 tháng 8 năm 2022.

Về án phí: Bị cáo Quách Văn Thạo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo, người bào chữa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đại diện hợp pháp của bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 5/5.